TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HS-ST
Ngày 03-03-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang

2. Ông Bùi Quốc Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2024/HSST ngày 25-10-2024 theo Quyếtđưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HS ngày 10-12-2024 và Quyếthoãn phiên tòa số 19/2025/HSST-QĐ ngày 20-02-2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đoàn Thị M**, sinh ngày 06-7-1984 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; căn cước công dân số 051184008404 Cục cảnhsát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10-8-2021; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Đoàn H (chết) và bà Đỗ Thị L; chồng: Chưa có, có 02 con sinh năm 2014 và năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28-5-2024 đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Lê Thị Anh T, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Cấn Thị N, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ dân phố E, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1983, nơi cư trú: Tổ dân phố E, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1980, nơi thường trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, chỗ ở: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Phan Thị Thúy S, sinh năm 1964, nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Hồ Thị T1, sinh năm 1994, nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Trương Thị Kim T2, sinh năm 1990, nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Hồ Thị T3, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Bùi Thị V1, sinh năm 1972, nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1977, nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Trần Thị H1, sinh năm 1972, nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị Lệ H2, sinh năm 1990, nơi thường trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, chỗ ở: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Mỹ T4, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Thùy V2, sinh năm 1992, nơi cư trú: Số D đường P, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Trương Thị Thu H3, sinh năm 1987, nơi cư trú: Tổ B, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Minh T5, sinh năm 1970, nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Mai Thị L1, sinh năm 1966, nơi cư trú: Số E đường H, tổ dân phố C, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Kim C1, sinh năm 1997, nơi cư trú: Tổ dân phố E, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Võ Thị Ly Đ, sinh năm 1979, nơi cư trú: Đ, thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Lê Thị Minh H4, sinh năm 1978, nơi cư trú: Số G đường H, tổ dân phố A, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông Trương Quang M1, sinh năm 1954, nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Phan Thị Thúy S, sinh năm 1964, nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2022, Đoàn Thị M biết được nhiều người có nhu cầu vay tiền để tiêu dùng và nhận thấy việc cho vay tiền với lãi suất cao nhanh được thu lợi nên Đoàn Thị M nảy sinh ý định hoạt động cho người dân vay tiền. Thông qua các mối quan hệ quen biết, M đã cho một số người vay dưới hình thức cho vay góp hằng ngày, lãi suất là từ 0,303%/ngày đến 0,667%/ngày tương đương với lãi suất từ 110,61%/năm đến 243,33%/năm và hình thức cho vay đứng với lãi suất 15%/tháng tương đương với lãi suất 180%/năm. Khi cho vay tiền, M yêu cầu người vay tiền tự viết ngày vay, số tiền vay vào sổ rồi ký tên; số tiền góp ngày thì M yêu cầu người vay trả tiền trực tiếp hoặc chuyển tiền vào số tài khoản 0103941500 của Đoàn Thị M mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1.

Từ khoảng tháng 9/2022 đến thời điểm bị phát hiện ngày 24-01-2024, Đoàn Thị M đã cho người dân trên địa bàn huyện B vay tiền để thu lợi bất chính. Qua nguồn tin của một người không rõ nhân thân lai lịch, Phòng C2 Công an tỉnh Q đã tiến hành xác minh, mời Đoàn Thị M làm việc.

Qua xác minh, Đoàn Thị M giao nộp một quyển sổ có nội dung ghi nhận lịch sử cho vay, thu lãi và gốc của Đoàn Thị M. Căn cứ vào cuốn sổ thể hiện việc M cho vay xác định, hiện tại trong sổ của M có 17 người vay tiền, với 84 lượt vay. Tiến hành thống kê và làm việc với những người vay tiền của Đoàn Thị M xác định: Số tiền Đoàn T6 đã cho vay là 675.000.000 đồng, thu lãi số tiền 109.453.788 đồng, trong đó: Tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 11.669.407 đồng, tiền lãi vượt mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 97.784.381 đồng.

Qua sao kê tài khoản của Đoàn Thị M từ ngày 01-4-2023 đến ngày 30-11-2023 và tiến hành làm việc với 03 người vay xác định: Số tiền Đoàn Thị M cho 03 người với 13 lượt vay là 320.000.000 đồng, thu lãi số tiền 43.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.208.219 đồng, tiền lãi vượt mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 36.791.781 đồng.

Bên cạnh đó Đoàn Thị M còn cho vay tiền đứng trả lãi hàng tháng: Mi đã cho 02 người vay với số tiền là 30.000.000 đồng, thu lãi số tiền 9.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.333.333 đồng, tiền lãi vượt mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.666.667 đồng.

Xét thấy vụ việc có dấu hiệu tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Phòng C2 Công an tỉnh Q chuyển hồ sơ cùng vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thụ lý để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, xác định diễn biến quá trình Đoàn Thị M cho vay như sau:

1. Đoàn Thị M cho bà **Lê Thị Anh T** vay 05 lần từ ngày 19-8-2023 đến ngày 15-11-2023, tổng số tiền cho vay là 25.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,5%/ngày tương đương 182,5%/năm. Tổng tiền M đã thu là 30.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 25.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000.000 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 547.945 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.452.055 đồng).

2. Đoàn Thị M cho bà **Cấn Thị N** vay 09 lần từ ngày 09-9-2023 đến ngày 24-11-2023, tổng số tiền cho vay là 125.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,5%/ngày tương đương 182,5%/năm. Tổng số tiền M đã thu là 118.650.000 đồng, trong đó tiền gốc là 98.875.000 đồng, tiền lãi là 19.775.000 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.167.123 đồng, tiền thu lợi bất chính là 17.607.877 đồng). Tiền gốc Cấn Thị N còn nợ là 26.125.000 đồng.

3. Đoàn Thị M cho bà **Huỳnh Thị C** vay đứng 01 lần 10.000.000 đồng vào ngày 27-9-2023, lãi suất cho vay 10%/30 ngày tương đương 121,66%/năm. Tổng số tiền M đã thu là 11.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 166,667 đồng, tiền thu lợi bất chính là 833.333 đồng.

4. Đoàn Thị M cho bà **Nguyễn Thị Thúy V** vay 01 lần vào ngày 13-9-2023, số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,5%/ngày tương đương 182,5%/năm. Tổng số tiền M đã thu trong 40 ngày là 12.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219,178 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng).

5. Đoàn Thị M cho bà **Hồ Thị T1** vay 10 lần từ ngày 26-8-2023 đến ngày 07-12-2023, tổng số tiền cho vay là 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,667%/ngày tương đương 243,33%/năm. Tổng số tiền M đã thu là 53.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 44.333.333 đồng, tiền lãi là 8,866,667 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 728,767; tiền thu lợi bất chính là 8.137.900 đồng). Tiền gốc Hồ Thị T1 còn nợ là 5.666.667 đồng.

6. Đoàn Thị M cho bà **Trương Thị Kim T2** vay 02 lần vào ngày 06-11-2023 và ngày 06-12-2023, tổng số tiền cho vay là 10.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,667%/ngày tương đương 243,33%/năm. Tổng số tiền M đã thu là 7.600.000 đồng, trong đó tiền gốc là 6.333.333 đồng, tiền lãi 1.266.667 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 104.110 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.162.557 đồng). Tiền gốc Trương Thị Kim T2 còn nợ là 3.666.667 đồng.

7. Đoàn Thị M cho bà **Hồ Thị T3** vay 09 lần từ tháng 10/2022 đến ngày 11-9-2023, tổng số tiền cho vay là 260.000.000 đồng, trong đó cho vay góp ngày 08 lần với tổng số tiền cho vay là 240.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,303%/ngày tương đương 110,61%/năm và vay đứng 01 lần với số tiền cho vay là 20.000.000 đồng, lãi suất cho vay 10%/tháng tương đương 120%/năm. Tổng số tiền M đã thu là 273.999.910 đồng, trong đó tiền gốc 245.454.455 đồng, tiền lãi là 28.545.455 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.076.712

đồng, tiền thu lợi bất chính là 23.468.743 đồng). Tiền gốc Hồ Thị T3 còn nợ là 14.545.545 đồng.

8. Đoàn Thị M cho bà **Bùi Thị V1** vay 10 lần từ ngày 01-9-2023 đến ngày 11-12-2023, tổng số tiền cho vay là 80.000.000 đồng, trong đó 09 lần vay góp ngày với tổng số tiền cho vay là 70.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/ngày tương đương 182,5%/năm và 01 lần vay đứng 10.000.000 đồng, lãi suất cho vay 15%/tháng tương đương 180%/năm. Tổng số tiền M đã thu 81.700.000 đồng, trong đó tiền gốc là 67.250.000 đồng, tiền lãi là 14.450.000 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.588.128 đồng, tiền thu lợi bất chính là 12.861.872 đồng. Tiền gốc Bùi Thị V1 còn nợ là 12.750.000 đồng.

9. Đoàn Thị M cho bà **Phạm Thị Hồng P** vay 05 lần từ ngày 05-9-2023 đến ngày 26-11-2023, tổng số tiền cho vay là 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/ngày tương đương 182,5%/năm. Tổng số tiền M đã thu là 52.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 43.750.000 đồng, tiền lãi là 8.750.000 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 958.904 đồng, tiền thu lợi bất chính là 7.791.096 đồng). Tiền gốc Phạm Thị Hồng P còn nợ là 6.250.000 đồng.

10. Đoàn Thị M cho bà **Trần Thị H1** vay 05 lần từ ngày 05-9-2023 đến ngày 26-11-2023, tổng số tiền cho vay là 25.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,667%/ngày tương đương 243,33%/năm. Tổng số tiền M đã thu 27.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 22.666.667 đồng, tiền lãi là 4.533.333 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 372.603 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.160.730 đồng. Tiền gốc Trần Thị H1 còn nợ 2.333.333 đồng.

11. Đoàn Thị M cho bà **Huỳnh Thị Lệ H2** vay 04 lần từ ngày 25-8-2023 đến ngày 24-11-2023, tổng số tiền cho vay là 10.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,667%/ngày tương đương 243,33%/năm. Tổng số tiền M đã thu là 10.900.000 đồng, trong đó tiền gốc là 9.083.333 đồng, tiền lãi là 1.816.667 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 149.315 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.667.352 đồng. Tiền gốc Huỳnh Thị Lệ H2 còn nợ là 916.667 đồng.

12. Đoàn Thị M cho bà **Phạm Thị Mỹ T4** vay 04 lần từ ngày 25-8-2023 đến ngày 01-12-2023, tổng số tiền cho vay là 40.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/ngày tương đương 182,5%/năm. Tổng số tiền M đã thu là 39.600.000 đồng, trong đó tiền gốc là 33.000.000 đồng, tiền lãi 6.600.000 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 723.288 đồng, tiền thu lợi bất chính là 5.876.712 đồng. Tiền gốc Phạm Thị Mỹ T4 còn nợ là 7.000.000 đồng.

13. Đoàn Thị M cho bà **Phạm Thị Thùy V2** vay 07 lần từ ngày 19-8-2023 đến ngày 28-11-2023, tổng số tiền cho vay là 60.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/ngày tương đương 182,5%/năm. Tổng số tiền M đã thu 60.300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 50.250.000 đồng, tiền lãi là 10.050.000 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.101.370 đồng, tiền thu lợi bất chính là 8.948.630 đồng. Tiền gốc Phạm Thị Thùy V2 còn nợ là 9.750.000 đồng.

14. Đoàn Thị M cho bà **Trương Thị Thu H3** vay 05 lần từ ngày 28-8-2023 đến ngày 28-11-2023, tổng số tiền cho vay là 40.000.000 đồng, lãi suất cho vay

0,5%/ngày tương đương 182,5%/năm. Tổng số tiền M đã thu là 45.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 37.500.000 đồng, tiền lãi là 7.500.000 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 780.822 đồng, tiền thu lợi bất chính là 6.719.178 đồng). Tiền gốc Trương Thị Thu H3 còn nợ là 2.500.000 đồng.

15. Đoàn Thị M cho ông **Nguyễn Minh T5** vay 06 lần, từ ngày 01-9-2023 đến ngày 14-12-2023, tổng số tiền cho vay là 60.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/ngày tương đương 182,5%/năm. Tổng số tiền M đã thu 60.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 10.000.000 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.095.890 đồng, tiền thu lợi bất chính là 8.904.110 đồng). Tiền gốc Nguyễn Minh T5 còn nợ là 10.000.000 đồng.

16. Đoàn Thị M cho bà **Mai Thị L1** vay 04 lần từ ngày 20-9-2023 đến ngày 26-11-2023, tổng số tiền cho vay là 40.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/ngày tương đương 182,5%/năm. Tổng số tiền M đã thu 41.100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 34.250.000 đồng, tiền lãi là 6.850.000 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 750.685 đồng, tiền thu lợi bất chính là 6.099.315 đồng. Tiền gốc Mai Thị L1 còn nợ là 5.750.000 đồng.

17. Đoàn Thị M cho bà **Phạm Thị Kim C1** vay 02 lần từ ngày 08-11-2023 đến ngày 05-12-2023, tổng số tiền cho vay là 20.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/ngày tương đương 182,5%/năm. Tổng số tiền M đã thu 14.700.000 đồng, trong đó tiền gốc là 12.250.000 đồng, tiền lãi là 2.450.000 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 268.493, tiền thu lợi bất chính là 2.181.507 đồng). Tiền gốc Phạm Thị Kim C1 còn nợ là 7.750.000 đồng.

18. Đoàn Thị M cho bà **Võ Thị Ly Đ** vay 06 lần từ tháng 9/2022 đến ngày 01-5-2023, tổng số tiền cho vay 90.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/ngày tương đương 182,5%/năm. Tổng số tiền M đã thu 104.675.000 đồng, trong đó tiền gốc 85.000.000 đồng, tiền lãi là 19.675.000 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự 2.090.525 đồng, tiền thu lợi bất chính là 17.584.475 đồng. Tiền gốc Võ Thị Ly Đ còn nợ là 5.000.000 đồng.

19. Đoàn Thị M cho bà **Lê Thị Minh H4** vay 10 lần từ ngày 01-6-2022 đến ngày 01-3-2023, tổng số tiền cho vay là 270.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/ngày tương đương 182,5%/năm. Tổng số tiền M đã thu 321.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 268.000.000 đồng, tiền lãi là 53.500.000 đồng (tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.863.014 đồng, tiền thu lợi bất chính là 47.636.986 đồng. Tiền gốc Lê Thị Minh H4 còn nợ là 2.000.000 đồng.

Qúa trình điều tra xác định, tổng số tiền gốc Đoàn Thị M đã cho 19 người vay là 1.275.000.000 đồng, tổng số tiền lãi M đã thu là 212.628.789 đồng, trong đó tiền lãi bằng mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 24.753.539 đồng, tiền lãi vượt mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 187.875.250 đồng.

Tại Cáo trạng số 151/CT-VKS-BS ngày 25-10-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Đoàn Thị M về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị M phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Thị M từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về dân sự:

- Đối với tổng số tiền lãi 187.875.250 đồng Mi đã thu vượt mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự của 19 người vay, trong đó:

+ Bị cáo M đã thu vượt mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự của bà Lê Thị Minh H4 và bà Cấn Thị N tổng cộng là 65.244.863 đồng. Quá trình điều tra bà H4 và bà N yêu cầu M trả lại, nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo M trả lại cho bà Lê Thị Minh H4 47.636.986 đồng, tuy nhiên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử M đã trả cho bà H4 10.000.000 đồng nên còn phải trả tiếp cho bà H4 37.636.986 đồng và trả lại cho bà Cấn Thị N 17.607.877 đồng.

+ Bị cáo M đã thu vượt mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự của 17 người vay còn lại tổng cộng là 122.630.387 đồng. Quá trình điều tra xác định 17 người này vay này tự nguyện cho bị cáo M, không yêu cầu M trả lại nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

- Về các biện pháp tư pháp:

+ Đối với tổng số tiền gốc M sử dụng cho vay là 1.275.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định tổng số tiền gốc M đã thu lại từ người vay là 1.152.996.121 đồng, còn lại 122.003.879 đồng tiền gốc 16 người vay chưa trả lại cho M, trong đó:

1) Cấn Thị N còn nợ 26.125.000 đồng;

2) Hồ Thị T1 còn nợ 5.666.667 đồng;

3) Trương Thị Thị Kim T2 còn nợ 3.666.667 đồng;

4) Hồ Thị T3 còn nợ 14.545.545 đồng;

5) Bùi Thị V1 còn nợ 12.750.000 đồng;

6) Phạm Thị Hồng P còn nợ 6.250.000 đồng;

7) Trần Thị H1 còn nợ 2.333.333 đồng;

8) Huỳnh Thị Lệ H2 còn nợ 916.667 đồng;

9) Phạm Thị Mỹ T4 còn nợ 7.000.000 đồng;

10) Phạm Thị Thùy V2 còn nợ 9.750.000 đồng;

11) Trương Thị Thu H3 còn nợ 2.500.000 đồng;

12) Nguyễn Minh T5 còn nợ 10.000.000 đồng;

13) Mai Thị L1 còn nợ 5.750.000 đồng;

14) Phạm Thị Kim C1 còn nợ 7.750.000 đồng;

15) Võ Thị Ly Đ còn nợ 5.000.000 đồng;

16) Lê Thị Minh H4 còn nợ 2.000.000 đồng;

+ Tiền lãi bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự bị cáo M đã thu của 19 người vay tổng cộng là 24.753.539 đồng.

Đây là tài sản sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo M và những người vay tiền nêu trên phải nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Về vật chứng và tài sản liên quan:

+ Đối với 01 căn cước công dân số 051172005495 của Bùi Thị V1 cấp ngày ngày 18/9/2021. Cơ quan điều tra xác định, ngày 28/02/2024 Bùi Thị V1 đã được cấp lại căn cước công dân số 051172005495 nên căn cước công dân cấp ngày 18/9/2021 đã hết hiệu lực, vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã chuyển căncước công dân cấp cho Bùi Thị V1 ngày 18/9/2021 đến Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện B để xử lý theo quy định nên không đề nghị giải quyết.

+ Đối với 01 căncông dân số 051191017308 của Lê Thị Anh T; 01 căncước công dân số 051179007436 của Võ Thị Ly Đ; 01 chứng nhận đăng ký xe số 00053 mang tên Trương Quang M1 là giấy tờ của Trương Thị Kim T2 giao cho Đoàn Thị M khi vay tiền. Cơ quan điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên đã trả lại cho chủ sở hữu, chủ sở hữu không có yêu cầu gì nên không đề nghị giải quyết.

+ Đối với 01 sổ bên trong có 53 trang, được đánh số từ 1 đến 53 và có chữ ký xác nhận của Đoàn Thị M ở cuối trang, 58 tờ giấy A4 có nội dung Đoàn Thị M cho người khác vay tiền. Đây là chứng cứ chứng minh tội phạm, Cơ quan cảnhđiều tra Công an huyện B đưa vào hồ sợ vụ án nên đề nghị tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

+ Đối với 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng hiệu Samsung Galaxy A14, số Sêri: R58W30D70SY, số IMEI 1: 357865260572966, số IMEI 2: 358164360572962, bên trong có 01 sim số: 0382771500 là tài sản của Đoàn Thị M sử dụng liên lạc nhắc người vay trả nợ và làm công cụ phạm tội nên đề nghị thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền 120.000.000 đồng bị cáo M tự nguyện giao nộp trong quá trình khởi tố, truy tố, xét xử đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo M và bà Lê Thị Minh H4 không có ý kiến tranh luận. Bị cáo M chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được ở ngoài để lao động nuôi 02 con nhỏ và mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, đồng thời những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra, xét thấy việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Thị M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở, căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2022 đến ngày 24-01-2024, với mục đích thu lợi bất chính để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo M đã cho 19 người vay tiền, tổng số lượt cho vay là 105 lượt, tổng số tiền gốc cho vay là 1.275.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay từ 110,61%/năm đến 243,33%/năm, vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự từ hơn 5 đến hơn 12 lần để thu lợi bất chính với tổng số tiền 212.628.789 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tín dụng, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra bị cáo đã trả lại tiền lãi thu vượt mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự cho bà H4 10.000.000 đồng, đồng thời 17 người vay khác tự nguyện không yêu cầu bị cáo trả lại tiền lãi thu vượt mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã tự nguyện giao nộp 120.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nêu trên, đồng thời bị cáo không có chồng, đang một mình nuôi 2 con nhỏ sinh năm 2014 và năm 2020, cha bị cáo đã chết, mẹ bị cáo hiện đã già yếu, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị

cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm, để bị cáo vừa có thể tự cải tạo, vừa có thể lao động, chăm nuôi 2 con nhỏ và mẹ già, đồng thời để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo bản thân, sửa chữa sai lầm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung để tăng thêm tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với 01 căn cước công dân số 051172005495 của Bùi Thị V1 cấp ngày ngày 18/9/2021. Cơ quan điều tra xác định, ngày 28/02/2024 Bùi Thị V1 đã được cấp lại căn cước công dân số 051172005495 nên căn cước công dân cấp ngày 18/9/2021 đã hết hiệu lực, vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã chuyển căncông dân cấp cho Bùi Thị V1 ngày 18/9/2021 đến Đội cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện B để xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7.2] Đối với: 01 căncông dân số 051191017308 của Lê Thị Anh T; 01 căncông dân số 051179007436 của Võ Thị Ly Đ; 01 chứng nhận đăng ký xe số 00053 mang tên Trương Quang M1 là giấy tờ của Trương Thị Kim T2 giao cho Đoàn Thị M khi vay tiền. Cơ quan điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên đã trả lại cho chủ sở hữu, chủ sở hữu không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7.3] Đối với 01 sổ bên trong có 53 trang, được đánh số từ 1 đến 53 và có chữ ký xác nhận của Đoàn Thị M ở cuối trang, 58 tờ giấy A4 có nội dung Đoàn Thị M cho người khác vay tiền. Xét đây là chứng cứ chứng minh tội phạm, Cơ quan cảnhsát điều tra Công an huyện B đưa vào hồ sơ vụ án nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[7.4] Đối với 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng hiệu Samsung Galaxy A14, số Sêri: R58W30D70SY, số IMEI 1: 357865260572966, số IMEI 2: 358164360572962, bên trong có 01 sim số: 0382771500 là tài sản của Đoàn Thị M sử dụng liên lạc nhắc người vay trả nợ. Xét đây là công cụ phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7.5] Đối với số tiền 120.000.000 đồng. Xét đây là tiền bị cáo M tự nguyện giao nộp trong quá trình khởi tố, truy tố, xét xử để đảm bảo thi hành án nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về các biện pháp tư pháp:

[8.1] Đối với số tiền gốc M sử dụng cho vay là 1.275.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định tổng số tiền gốc M đã thu lại từ người vay là 1.152.996.121 đồng, còn lại 122.003.879 đồng tiền gốc 16 người vay chưa trả lại cho M, trong đó:

1) Cấn Thị N còn nợ 26.125.000 đồng;

2) Hồ Thị T1 còn nợ 5.666.667 đồng;

3) Trương Thị Thị Kim T2 còn nợ 3.666.667 đồng;

4) Hồ Thị T3 còn nợ 14.545.545 đồng;

5) Bùi Thị V1 còn nợ 12.750.000 đồng;

6) Phạm Thị Hồng P còn nợ 6.250.000 đồng;

7) Trần Thị H1 còn nợ 2.333.333 đồng;

8) Huỳnh Thị Lệ H2 còn nợ 916.667 đồng;

9) Phạm Thị Mỹ T4 còn nợ 7.000.000 đồng;

10) Phạm Thị Thùy V2 còn nợ 9.750.000 đồng;

11) Trương Thị Thu H3 còn nợ 2.500.000 đồng;

12) Nguyễn Minh T5 còn nợ 10.000.000 đồng;

13) Mai Thị L1 còn nợ 5.750.000 đồng;

14) Phạm Thị Kim C1 còn nợ 7.750.000 đồng;

15) Võ Thị Ly Đ còn nợ 5.000.000 đồng;

16) Lê Thị Minh H4 còn nợ 2.000.000 đồng;

Xét đây là tài sản sử dụng vào việc phạm tội nên buộc M phải nộp lại 1.152.996.121 đồng và 16 người vay nêu trên phải nộp lại tổng cộng 122.003.879 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8.2] Đối với 24.753.539 đồng tiền lãi Mi đã thu của 19 người vay bằng với mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự. Xét đây là tài sản có được từ hành vi phạm tội nên buộc M phải nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách nhànước.

[9] Về phần dân sự:

[9.1] Đối với 65.244.863 đồng tiền lãi Mi thu vượt mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự của 02 người vay là bà Lê Thị Minh H4 và bà Cấn Thị N, quá trình điều tra bà H4 và bà N yêu cầu M trả lại. Xét đây là tiền bị cáo thu lợi bất chính của bà H4 và bà N và hai bà yêu cầu bị cáo trả lại nên buộc bị cáo M trả lại cho bà Lê Thị Minh H4 47.636.986 đồng, tuy nhiên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử M đã trả cho bà H4 10.000.000 đồng nên còn phải trả tiếp cho bà H4 37.636.986 đồng và trả lại cho bà Cấn Thị N 17.607.877 đồng.

[9.2] Đối với 122.630.387 đồng tiền lãi bị cáo M đã thu vượt mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự của 17 người vay còn lại, quá trình điều tra xác định 17 người này tự nguyện cho bị cáo M, không yêu cầu bị cáo M trả lại nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 2 và khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; khoản 1 Điều 48; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Điều 106, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị M phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đoàn Thị M 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03-3-2025).

Giao bị cáo Đoàn Thị M cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo Đoàn Thị M có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người bị kết án cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bổ sung bị cáo Đoàn Thị M 50.000.000 đồng (năm mươi triệu) đồng.

4. Về biện pháp tư pháp:

4.1. Buộc bị cáo Đoàn Thị M phải nộp lại tổng số tiền 1.177.749.660 đồng (một tỷ, một trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng, gồm 1.152.996.121 đồng tiền sử dụng cho vay và 24.753.539 đồng tiền lãi đã thu bằng với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự) để tịch thu sung vào ngân sách nhànước.

4.2. Buộc 16 người chưa trả lại tiền vay cho Đoàn Thị M có nghĩa vụ nộp lại tổng cộng 122.003.879 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể từng người phải nộp như sau:

- Cấn Thị N phải nộp 26.125.000 (Hai mươi sáu triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng;

- Hồ Thị T1 phải nộp 5.666.667 (Năm triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng;

- Trương Thị Thị Kim T2 phải nộp 3.666.667 (Ba triệu, sáu trăm sáu mươi

sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng;

- Hồ Thị T3 phải nộp 14.545.545 (Mười bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi lăm) đồng;

- Bùi Thị V1 phải nộp 12.750.000 (Mười hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng;

- Phạm Thị Hồng P phải nộp 6.250.000 (Sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng;

- Trần Thị H1 phải nộp 2.333.333 (Hai triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba) đồng;

- Huỳnh Thị Lệ H2 phải nộp 916.667 (Chín trăm mười sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng;

- Phạm Thị Mỹ T4 phải nộp 7.000.000 (Bảy triệu) đồng;

- Phạm Thị Thùy V2 phải nộp 9.750.000 (Chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng;

- Trương Thị Thu H3 phải nộp 2.500.000 (Hai triệu, năm trăm nghìn) đồng;

- Nguyễn Minh T5 phải nộp 10.000.000 (Mười triệu) đồng;

- Mai Thị L1 phải nộp 5.750.000 (Năm triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng;

- Phạm Thị Kim C1 phải nộp 7.750.000 (Bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng;

- Võ Thị Ly Đ phải nộp 5.000.000 (Năm triệu) đồng;

- Lê Thị Minh H4 phải nộp 2.000.000 (Hai triệu) đồng;

5. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Đoàn Thị M có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Lê Thị Minh H4 và bà Cấn Thị N tổng cộng là 55.244.863 đồng tiền lãi suất Mi đã thu vượt mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự. Trong đó, trả cho bà Lê Thị Minh H4 37.636.986 (Ba mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi sáu) đồng và trả cho bà Cân Thị N1 17.607.877 (Mười bảy triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, tám trăm bảy mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về xử lý vật chứng:

6.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà01 (một) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng hiệu Samsung Galaxy A14, số Sêri: R58W30D70SY, số IMEI 1: 357865260572966, số IMEI 2: 358164360572962, bên trong có 01 sim số: 0382771500 được niêm phong trong bì niêm phong có chữ ký của Bùi Minh T7, Nguyễn Quang T8, Đoàn Thị M đóng hai con dấu tròn màu đỏ của Công an thị trấn C. (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 08-01-2025 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn)

6.2. Tiếp tục tạm giữ số tiền 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng bị cáo Đoàn Thị M nộp để đảm bảo cho việc thi hành án *(Số tiền 15.000.000 đồng Công an huyện B đã chuyển vào tài khoản số 3949.0.1068644.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 06-01-2025 và số tiền 105.000.000 đồng bị cáo M nộp theo Biên lai thu tiền số: 0003801 ngày 12-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn)*.

7. Về án phí: Buộc bị cáo Đoàn Thị M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.762.243 (hai triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi ba) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND, TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi (ĐT, LT);
- CCTHADS huyện Bình Sơn;
- UBND thị trấn C (Thay thông báo);
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trung Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA